

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 55/2022/DS-ST.

Ngày: 01/7/2022.

V/v: “T/c hợp đồng mua bán tài sản
và T/c hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Lập

2. Bà Phạm Hồng Gái

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2022/QĐXXST-DS ngày 13/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hộ kinh doanh Đoàn Minh D.**

Địa chỉ: số 197 tổ 12, khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hộ kinh doanh: Ông **Đoàn Minh D.**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số 197 tổ 12, khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Anh B** (Nguyễn Văn B), sinh năm 1985 và vợ là bà **Nguyễn Thị Mỹ C**, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: tổ 12 ấp Tà Lóc, xã Sơn Kiên, huyện HĐ, tỉnh KG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đào Thị T**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện HD, tỉnh KG.
(Ông D, bà C có mặt, ông B và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện hộ kinh doanh ông Đoàn Minh D trình bày như sau:*

Vào năm 2018 vợ chồng ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Đại Thắng do tôi làm chủ để mua phân bón và thuốc trừ sâu và một số vật tư nông nghiệp nhiều lần; đến ngày 29/10/2019 hai bên có tổng kết nợ theo đó phía vợ chồng ông B và bà C còn nợ lại cửa hàng tôi số tiền mua bán vật tư nông nghiệp với số tiền là 202.634.000 đồng. Đồng thời phía vợ chồng ông B và bà Mỹ C còn vay của cửa hàng tôi hai lần với số tiền là 150.000.000 đồng (lần thứ nhất là ngày 19/11/2018 vay 100.000.000 đồng, ngày 06/12/2018 vay số tiền là 50.000.000 đồng). Tổng cộng số tiền mua bán vật tư nông nghiệp và tiền vay mà phía vợ chồng ông B, bà C còn thiếu cửa hàng tôi là 352.634.000 đồng.

Tuy nhiên kể từ ngày tổng kết nợ là ngày 29/10/2019 cho đến nay thì phía bên vợ chồng ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C vẫn cố tình không thanh toán cho tôi số tiền nợ gốc mua bán vật tư nông nghiệp và tiền vay gốc này, mặc dù tôi đã nhiều lần liên hệ phía vợ chồng ông B và bà C để yêu cầu có trách nhiệm thanh toán số nợ này cho cửa hàng của tôi, nhưng phía ông B và bà C vẫn cố tình trốn tránh trách nhiệm thanh toán nợ.

Tại phiên tòa hôm nay tôi yêu cầu tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C phải trả cho hộ kinh doanh Đoàn Minh D của tôi số tiền gốc còn nợ mua bán vật tư nông nghiệp với số tiền là 202.634.000 đồng và tiền vay còn nợ là 150.000.000 đồng. Tổng cộng là 352.634.000 đồng và yêu cầu tính số tiền lãi từ ngày 29/10/2019 đến ngày 29/4/2022. Cụ thể tiền lãi như sau: 352.634.000 đồng x 32 tháng x 1,5%/tháng = 158.685.000 đồng.

Tổng cộng tôi yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C phải trả cho hộ kinh doanh của tôi số tiền vay gốc và tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 29/10/2019 đến ngày 29/4/2022 là

511.319.000 đồng (trong đó tiền gốc là 352.634.000 đồng, tiền lãi là 158.685.000 đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C trình bày như sau:*

Tôi thừa nhận trước đây vợ chồng tôi có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Đại Thắng do ông Đoàn Minh D làm chủ để mua phân bón, thuốc trừ sâu nhiều lần với hình thức trả gởi đầu theo mùa về để sản xuất nông nghiệp trong gia đình. Cứ khi làm xong mùa vụ thì sẽ trả tiền mua bán phân bón, thuốc trừ sâu này và còn thiếu lại một số tiền. Vợ chồng chúng tôi thừa nhận đến ngày 29/10/2019 hai bên chúng tôi có tổng kết nợ lại với nhau, theo đó phía vợ chồng tôi còn nợ lại cửa hàng Đại Thắng do ông D làm chủ số tiền mua bán vật tư nông nghiệp với số tiền là 202.634.000 đồng và đồng thời chúng tôi còn vay của cửa hàng ông D với số tiền là 150.000.000 đồng (lần thứ nhất là ngày 19/11/2018 vay 100.000.000 đồng, ngày 06/12/2018 vay số tiền là 50.000.000 đồng). Hiện tại chúng tôi còn nợ tiền mua bán vật tư nông nghiệp và tiền vay của cửa hàng vật tư nông nghiệp Đại Thắng do ông Đoàn Minh D làm chủ là 352.634.000 đồng. Tôi thừa nhận theo biên bản đối chiếu công nợ vào 29/10/2019 là chữ ký và chữ viết của tôi ký tên. Vợ chồng tôi mua vật tư nông nghiệp và vay tiền của hộ kinh doanh Đoàn Minh D với mục đích về sản xuất nông nghiệp trong gia đình và sinh hoạt trong gia đình, nhưng do làm ăn thua lỗ nên chưa có tiền trả lại cho cửa hàng của ông Đoàn Minh D.

Nay phía cửa hàng vật tư nông nghiệp Đại Thắng do ông Đoàn Minh D khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả lại cho cửa hàng vật tư nông nghiệp Đại Thắng với số tiền mua bán vật tư nông nghiệp, tiền vay còn nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 29/10/2019 đến ngày 29/4/2022 là 511.319.000 đồng thì vợ chồng tôi có ý kiến xin được trả số tiền gốc là 352.634.000 đồng, đối với số tiền gốc này vợ chồng tôi xin được trả dần sau khi thu hoạch mỗi vụ lúa là 20.000.000 đồng/vụ cho đến khi trả xong số nợ này. Đối với số tiền lãi là 158.685.000 đồng thì tôi xin ông D miễn cho vợ chồng tôi được miễn vì hoàn cảnh gia đình chúng tôi hiện nay rất khó khăn, không có khả năng trả một lần và trả lãi.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Anh B trình bày như sau:*

Tôi là chồng của chị Nguyễn Thị Mỹ C. Vợ chồng tôi đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các thông báo của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang đối với vụ việc tranh chấp giữa vợ chồng tôi với hộ kinh doanh Đoàn Minh D. Tôi thừa nhận trước đây vợ chồng tôi có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Đại Thắng do ông Đoàn Minh D làm chủ để mua phân bón, thuốc trừ sâu nhiều lần với hình thức trả gởi đầu theo mùa về để sản xuất nông nghiệp trong gia đình. Cứ khi làm xong mùa vụ thì sẽ trả tiền mua bán phân bón, thuốc trừ sâu này và còn thiếu lại một số tiền. Vợ chồng chúng tôi thừa nhận đến ngày 29/10/2019 hai bên chúng tôi có tổng kết nợ lại với nhau, theo đó phía vợ chồng tôi còn nợ lại cửa hàng Đại Thắng số tiền mua bán vật tư nông nghiệp với số tiền là 202.634.000 đồng và đồng thời chúng tôi còn vay của cửa hàng ông D với số tiền là 150.000.000 đồng (lần thứ nhất là ngày 09/11/2018 vay 100.000.000 đồng, ngày 15/12/2018 vay số tiền là 50.000.000 đồng). Hiện tại chúng tôi còn nợ tiền mua bán vật tư nông nghiệp và tiền vay của cửa hàng vật tư nông nghiệp Đại Thắng do ông Đoàn Minh D làm chủ là 352.643.000 đồng. Nay phía cửa hàng vật tư nông nghiệp Đại Thắng do ông Đoàn Minh D khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải trả lại cho cửa hàng vật tư nông nghiệp Đại Thắng với số tiền mua bán vật tư nông nghiệp và tiền vay gốc tổng cộng là 352.634.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 29/10/2019 đến ngày 29/10/2022 là 511.319.000 đồng (trong đó tiền gốc là 352.634.000 đồng, tiền lãi là 158.685.000 đồng) thì tôi có ý kiến như sau: vợ chồng tôi xin được trả số tiền gốc là 352.634.000 đồng, đối với số tiền gốc này vợ chồng tôi xin được trả dần sau khi thu hoạch mỗi vụ lúa là 20.000.000 đồng/vụ cho đến khi trả xong số nợ này. Đối với số tiền lãi mà ông D yêu cầu thì tôi xin ông D miễn vì hoàn cảnh gia đình chúng tôi hiện nay rất khó khăn, không có khả năng trả một lần.

Đồng thời, hiện tại do bận công việc nhiều nên tôi không có thời gian để đến tòa án giải quyết vụ kiện trên. Do đó tôi làm đơn này xin được vắng mặt trong tất cả các lần hòa giải và xét xử của vụ án nêu trên tại tòa án cấp sơ thẩm. Mọi ý kiến của vợ tôi là Nguyễn Thị Mỹ C tại Tòa án như thế nào thì tôi đồng ý, không có ý kiến gì trình bày thêm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị T trình bày như sau:*

Tôi và anh Đoàn Minh D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay chồng tôi là ông Đoàn Minh D khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất để yêu cầu ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C phải trả cho hộ kinh doanh Đoàn Minh D do chồng tôi làm chủ số tiền gốc còn nợ mua bán vật tư nông nghiệp với số tiền là 202.634.000 đồng và tiền vay còn nợ là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 158.685.000 đồng. Tổng cộng số tiền vay gốc và tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc và tiền lãi tạm tính từ ngày 29/10/2019 đến ngày 29/10/2022 là 511.319.000 đồng (trong đó tiền gốc là 352.634.000 đồng, tiền lãi là 158.685.000 đồng) thì tôi có ý kiến như sau: Tôi đề nghị tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chồng tôi là ông Đoàn Minh D. Đối với số tiền này chúng tôi là vợ chồng thì chúng tôi tự tính toán với nhau, tôi không có yêu cầu gì trong vụ án này, tôi cũng không có yêu cầu độc lập. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đồng thời do bận công việc mua bán, không có thời gian đi lại nên tôi đề nghị Tòa án cho tôi xin được vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử sơ thẩm của vụ án này.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện hộ kinh doanh ông Đoàn Minh D rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, phía cửa hàng của ông chỉ tính số tiền lãi kể từ ngày 29/10/2019 đến thời điểm xét xử với tiền lãi là 1%/tháng. Cụ thể như sau: $352.634.000 \text{ đồng} \times 32 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 112.843.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 465.476.000 đồng (trong đó tiền gốc là 352.634.000 đồng, tiền lãi là 112.843.000 đồng).

* Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ C trình bày: phía vợ chồng bà và ông B đồng ý trả số tiền gốc và tiền lãi này phía hộ kinh doanh Đoàn Minh D. Tuy nhiên vợ chồng ông bà xin được trả dần số tiền này mỗi năm là 50.000.000 đồng, vụ Hè Thu trả số tiền là 20.000.000 đồng, vụ Đông Xuân trả số tiền là 30.000.000 đồng cho đến khi trả xong số nợ này, vì hoàn cảnh gia đình ông bà hiện nay rất khó khăn, không có khả năng trả một lần.

** Tại phiên tòa vị đại diện VKS phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người đại diện hộ kinh doanh là ông Đoàn Minh D. Buộc bị đơn ông Nguyễn Anh B, bà Nguyễn Thị Mỹ C phải số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc và tiền lãi là 465.476.000 đồng, trong đó tiền gốc là 352.634.000 đồng, tiền lãi là 112.843.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hộ kinh doanh Đoàn Minh D đối với ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C về số tiền lãi do nguyên đơn rút yêu cầu là 45.842.000 đồng (511.319.000 đồng – 465.476.000 đồng). Đồng thời buộc phía bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đại diện hộ kinh doanh ông Đoàn Minh D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C phải trả cho hộ kinh doanh số tiền mua bán vật tư nông nghiệp và tiền vay gốc còn nợ là 465.476.000 đồng. Ông B và bà C cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Anh B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử (HĐXX) giải quyết vắng mặt ông B và bà T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự HDXX có cơ sở nhận định như sau: Vào năm 2018 ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Đại Thắng do ông Đoàn Minh D làm chủ để mua vật tư nông nghiệp về sản xuất nông nghiệp trong gia đình và sinh hoạt trong gia đình nhiều lần. Đồng thời phía ông B và bà C vay thêm của cửa hàng ông D với số tiền là 150.000.000 đồng. Đến ngày 29/10/2019 các bên có tổng kết nợ lại với nhau, theo đó ông B và bà C còn nợ hộ kinh doanh Đoàn Minh D với số tiền là 352.634.000 đồng. Tại các bản khai và tại phiên tòa ông B và bà C đều thừa nhận còn nợ cửa hàng Đại Thắng do ông Đoàn Minh D làm chủ số tiền nêu trên nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Đoàn Minh D yêu cầu ông B và bà C phải trả cho hộ kinh doanh Đoàn Minh D số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ và tiền vay tổng cộng là 465.476.000 đồng, trong đó tiền gốc là 352.634.000 đồng, tiền lãi là 112.843.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc mua bán hàng hóa giữa các bên được thỏa thuận với hình thức mua bán gói đầu, khi mua bán đều có lập sổ và ký nhận, đến ngày 29/10/2019 các có kết nợ bằng văn bản (BL03), bên bán là hộ kinh doanh ông Đoàn Minh D đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hàng, bên mua ông B, bà C đã nhận hàng nhưng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Tại Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định: *Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.*

Đối chiếu với các quy định trên cho thấy việc ông D yêu cầu ông B và bà C phải trả cho ông D số tiền mua bán vật tư nông nghiệp còn nợ gốc 202.634.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền vay còn nợ là 150.000.000 đồng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay phía bà C thừa nhận hai vợ chồng ông bà có vay số tiền nêu trên là đúng sự thật, cụ thể lần thứ nhất là ngày 19/11/2018 vay 100.000.000 đồng,

ngày 06/12/2018 vay số tiền là 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay phía bà C cũng đồng ý trả số nợ vay gốc này cho phía ông D. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông D buộc vợ chồng ông B và bà C phải trả số tiền vay gốc 150.000.000 đồng là có cơ sở để được chấp nhận.

Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với số tiền chậm trả với mức lãi suất là 1%/tháng trên số tiền nợ gốc mua vật tư nông nghiệp và nợ vay tổng cộng là 352.634.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hai bên kết nợ với nhau vào ngày 29/10/2019, tuy nhiên từ thời gian này cho đến nay phía ông B và bà C vẫn chưa thanh toán số tiền nợ gốc và lãi cho phía ông D. Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở để được chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà C đồng ý trả số tiền mua bán vật tư nông nghiệp và tiền vay tổng cộng gốc và lãi là 465.476.000 đồng. Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình ông bà hiện nay rất khó khăn, không có khả năng trả một lần nên xin phía nguyên đơn cho trả dần số tiền 50.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ này. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định "...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...". Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn không đồng ý cho vợ chồng ông B, bà C được trả dần, do đó HĐXX miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

Từ những cơ sở trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C phải trả cho hộ kinh doanh Đoàn Minh D số tiền mua bán vật tư nông nghiệp và tiền vay còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 465.476.000 đồng (trong đó tiền gốc là 352.634.000 đồng, tiền lãi là 112.843.000 đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.619.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.
Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người đại diện hộ kinh doanh Đoàn Minh D về việc yêu cầu ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C phải trả nợ tiền mua bán vật tư nông nghiệp và tiền vay còn nợ.

1.1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C phải trả cho hộ kinh doanh Đoàn Minh D số tiền mua bán vật tư nông nghiệp và tiền vay còn nợ tổng cộng gốc và lãi là 465.476.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hộ kinh doanh Đoàn Minh D đối với ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C về số tiền lãi do nguyên đơn rút yêu cầu là 45.842.000 đồng.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Anh B và bà Nguyễn Thị Mỹ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.619.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Đoàn Minh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.206.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007847 ngày 04/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho các đương sự B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn An